

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2021/DS-PT

Ngày: 10 - 11 - 2021

V/v tranh chấp “*Hợp đồng góp hui
và vay tài sản*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Vân;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ánh Phương;

Bà Nguyễn Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Nhi - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2021/TLPT-DS ngày 20 tháng 01 năm 2021 về việc tranh chấp “*Hợp đồng góp hui và vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 110/2020/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 33/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1957

Địa chỉ: Ấp X, xã S, Huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà U: Anh Phạm Văn G, sinh năm 1995. Là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 09/7/2020 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã S, Huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn:

2.1. Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1973 (có mặt).

2.2. Chị Trần Thị B, sinh năm 1975 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã S, Huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh T và chị B: Ông Võ Huy T là Luật sư của văn phòng luật sư T thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã S, Huyện C, tỉnh Tiền Giang.

4. Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Thanh T, chị Trần Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị U là anh Phạm Văn G trình bày:

***Phần nợ hụi:** Vào năm 2018, 2019 và 2020 bà có tổ chức chơi nhiều dây hụi tháng, vợ chồng anh Nguyễn Thanh T và chị Trần Thị B có tham gia chơi 15 dây hụi cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất: Hụi tháng, 5.000.000 đồng, mở ngày 14/9/2018, gồm có 22 phần, vợ chồng anh T và chị B tham gia 01 phần, hốt hụi lần thứ 1, sau khi hốt đóng hụi chết được 19 lần thì ngưng. Hiện anh T và chị B còn nợ 02 phần hụi chết là 10.000.000 đồng. Dây hụi này mãn vào tháng 6/2020.

- Dây thứ hai: Hụi tháng, 10.000.000 đồng, mở ngày 13/10/2018, gồm có 22 phần, vợ chồng anh T và chị B tham gia 01 phần, hốt hụi lần thứ 1, sau khi hốt đóng hụi chết được 18 lần thì ngưng. Hiện anh T và chị B còn nợ 03 phần hụi chết là 30.000.000 đồng. Dây hụi này mãn vào tháng 7/2020.

- Dây thứ ba: Hụi tháng, 5.000.000 đồng, mở ngày 16/12/2018, gồm có 21 phần, vợ chồng anh T và chị B tham gia 01 phần, hốt hụi lần thứ 1, sau khi hốt đóng hụi chết được 15 lần thì ngưng. Hiện anh T và chị B còn nợ 05 phần hụi chết là 25.000.000 đồng. Dây hụi này mãn vào tháng 8/2020.

- Dây thứ tư: Hụi tháng, 3.000.000 đồng, mở ngày 10/01/2019, gồm có 21 phần, vợ chồng anh T và chị B tham gia 01 phần, hốt hụi lần thứ 1, sau khi hốt đóng hụi chết được 15 lần thì ngưng. Hiện anh T và chị B còn nợ 05 phần hụi chết là 15.000.000 đồng. Dây hụi này mãn vào tháng 9/2020.

- Dây thứ năm: Hụi tháng, 10.000.000 đồng, mở ngày 14/02/2019, gồm có 21 phần, vợ chồng anh T và chị B tham gia 01 phần, hốt hụi lần thứ 1, sau khi hốt đóng hụi chết được 14 lần thì ngưng. Hiện anh T và chị B còn nợ 04 phần hụi chết đã đến hạn là 40.000.000 đồng, và 02 phần hụi chết chưa đến hạn là 20.000.000 đ. Dây hụi này mãn vào tháng 10/2020.

- Dây thứ sáu: Hụi tháng, 10.000.000 đồng, mở ngày 20/3/2019, gồm có 21 phần, vợ chồng anh T và chị B tham gia 01 phần, hốt hụi lần thứ 1, sau khi hốt đóng hụi chết được 13 lần thì ngưng. Hiện anh T và chị B còn nợ 04 phần hụi chết đã đến hạn là 40.000.000 đồng, và 03 kỳ hụi chết chưa đến hạn là 30.000.000 đ. Dây hụi này mãn vào tháng 11/2020.

- Dây thứ bảy: Hụi tháng, 3.000.000 đồng, mở ngày 09/5/2019, gồm có 21 phần, vợ chồng anh T và chị B tham gia 01 phần, hốt hụi lần thứ 1, sau khi hốt đóng hụi chết được 10 lần thì ngưng. Hiện anh T và chị B còn nợ 06 phần hụi chết đã đến hạn là 18.000.000 đồng, và 4 kỳ hụi chết chưa đến hạn là 12.000.000 đ. Dây hụi này mãn vào tháng 01/2021.

- Dây thứ tám: Hụi tháng, 5.000.000 đồng, mở ngày 17/6/2019, gồm có 22 phần, vợ chồng anh T và chị B tham gia 01 phần, hốt hụi lần thứ 1, sau khi hốt đóng hụi chết được 10 lần thì ngưng. Hiện anh T và chị B còn nợ 04 phần hụi chết đã đến hạn là 20.000.000 đồng và 7 kỳ hụi chết chưa đến hạn là 35.000.000 đ. Dây hụi này mãn vào tháng 3/2021.

- Dây thứ chín: Hụi tháng, 10.000.000 đồng, mở ngày 13/9/2019, gồm có 21 phần, vợ chồng anh T và chị B tham gia 01 phần, hốt hụi lần thứ 1, sau khi hốt đóng hụi chết được 7 lần thì ngưng. Hiện anh T và chị B còn nợ 04 phần hụi chết đã đến hạn là 40.000.000 đồng và 9 kỳ hụi chết chưa đến hạn là 90.000.000 đ. Dây hụi này mãn vào tháng 5/2021.

- Dây thứ mười: Hụi tháng, 10.000.000 đồng, mở ngày 13/9/2019, gồm có 21 phần, vợ chồng anh T và chị B tham gia 01 phần, hốt hụi lần thứ 1, sau khi hốt đóng hụi chết được 7 lần thì ngưng. Hiện anh T và chị B còn nợ 04 phần hụi chết đã đến hạn là 40.000.000 đồng và 09 kỳ hụi chết chưa đến hạn là 90.000.000 đ. Dây hụi này mãn vào tháng 5/2021.

- Dây thứ mười một: Hụi tháng, 10.000.000 đồng, mở ngày 05/12/2019, gồm có 21 phần, vợ chồng anh T và chị B tham gia 01 phần, hốt hụi lần thứ 1, sau khi hốt đóng hụi chết được 4 lần thì ngưng. Hiện anh T và chị B còn nợ 05 phần hụi chết đã đến hạn là 50.000.000 đồng và 11 kỳ hụi chết chưa đến hạn là 110.000.000 đ. Dây hụi này mãn vào tháng 8/2021.

- Dây thứ mười hai: Hụi tháng, 10.000.000 đồng, mở ngày 04/01/2020, gồm có 21 phần, vợ chồng anh T và chị B tham gia 01 phần, hốt hụi lần thứ 1, sau khi hốt đóng hụi chết được 3 lần thì ngưng. Hiện anh T và chị B còn nợ 05 phần hụi chết đã đến hạn là 50.000.000 đồng và 12 kỳ hụi chết chưa đến hạn là 120.000.000 đ. Dây hụi này mãn vào tháng 9/2020.

- Dây thứ mười ba: Hụi tháng, 10.000.000 đồng, mở ngày 29/01/2020, gồm có 26 phần, vợ chồng anh T và chị B tham gia 01 phần, hốt hụi lần thứ 1, sau khi hốt đóng hụi chết được 2 lần thì ngưng. Hiện anh T và chị B còn nợ 05 phần hụi chết đã đến hạn là 50.000.000 đồng và 18 kỳ hụi chết chưa đến hạn là 180.000.000 đ. Dây hụi này mãn vào tháng 02/2022.

- Dây thứ mười bốn: Hụi tháng, 10.000.000 đồng, mở ngày 27/02/2020, gồm có 26 phần, vợ chồng anh T và chị B tham gia 01 phần, hốt hụi lần thứ 1, sau khi hốt đóng hụi chết được 01 lần thì ngưng. Hiện anh T và chị B còn nợ 05 phần hụi chết chưa đến hạn là 50.000.000 đồng và 19 kỳ hụi chết chưa đến hạn là 190.000.000 đ. Dây hụi này mãn vào tháng 3/2022.

- Dây thứ mười lăm: Hụi tháng, 5.000.000 đồng, mở ngày 08/3/2020, gồm có 22 phần, vợ chồng anh T và chị B tham gia 01 phần, hốt hụi lần thứ 1, sau khi hốt đóng hụi chết được 01 lần thì ngưng. Hiện anh T và chị B còn nợ 05 phần hụi chết đã đến hạn là 25.000.000 đồng và 15 kỳ hụi chết chưa đến hạn là 75.000.000 đ. Dây hụi này mãn vào tháng 12/2021.

Tổng số tiền anh T và chị B còn nợ bà U là 1.455.000.000 đồng. Trong đó số đã đến hạn là 503.000.000 đồng, bà U yêu cầu anh T và chị B trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật; số chưa đến hạn là 952.000.000 đồng trả khi đến hạn, cụ thể: Tháng 9/2020 trả 65.000.000 đồng; tháng 10/2020 trả 93.000.000 đồng; tháng 11/2020 trả 83.000.000 đồng; tháng 12/2020 trả 73.000.000 đồng; tháng 01/2021 trả 73.000.000 đồng; tháng 02/2021 trả 70.000.000 đồng; tháng 3/2021 trả 70.000.000 đồng; tháng 4/2021 trả 65.000.000 đồng; tháng 5/2021 trả 65.000.000 đồng; tháng 6/2021 trả 45.000.000 đồng; tháng 7/2021 trả 45.000.000 đồng; tháng 8/2021 trả 45.000.000 đồng; tháng 9/2021 trả 35.000.000 đồng; tháng 10/2021 trả 25.000.000 đồng; tháng 11/2021 trả 25.000.000 đồng; tháng 12/2021 trả 25.000.000 đồng; tháng 01/2022 trả 20.000.000 đồng; tháng 02/2022 trả 20.000.000 đồng; tháng 3/2022 trả 10.000.000 đồng.

***Phân nợ mượn hụi:** Anh T và chị B còn hỏi mượn tiền bà U. Do không có tiền, bà U có đồng ý cho anh T, chị B mượn 08 dây hụi của bà đang chơi do

bà Nguyễn Thị X làm đầu thảo. Bà U với anh T, chị B thỏa thuận, bà U hốt hụi đưa cho vợ chồng anh T, chị B. Anh T, chị B có nghĩa vụ đưa tiền cho bà U đóng hụi chết khi đến hạn. Cụ thể như sau:

1/ Dây thứ nhất: hụi tháng, 5.000.000 đồng, mở hụi vào ngày 11/12/2018, gồm có 22 phần. Bà U tham gia 01 phần, hốt vào ngày 05/10/2019 âm lịch (01/11/2019 tây lịch), đưa tiền cho anh T, chị B. Anh T, chị B còn thiếu tiền hụi chết chưa đóng là 110.000.000 đồng. Hụi mãn tháng 9/2020.

2/ Dây thứ hai: 10.000.000 đồng, hai tháng khui một lần, hụi mở vào ngày 14/4/2019, gồm có 18 phần, bà U tham gia 01 phần, hốt hụi lần 1 đưa cho anh T, chị B. Anh T, chị B đóng hụi chết được 05 lần. Hiện tại còn thiếu bà U 03 phần hụi chết đã đến hạn là 30.000.000 đồng, 09 phần hụi chết chưa đến hạn là 90.000.000 đồng. Hụi mãn vào tháng 2/2022.

3/ Dây thứ ba: hụi tháng, 10.000.000 đồng, mở vào ngày 19/5/2019, có 18 phần, bà U tham gia 01 phần, hốt hụi lần 1 đưa cho anh T, chị B, đã đóng hụi chết được 10 lần. Hiện còn thiếu bà U 05 phần hụi chết đã đến hạn là 50.000.000 đồng, 02 phần hụi chết chưa đến hạn là 20.000.000 đồng. Hụi mãn vào tháng 10/2020.

4/ Dây thứ tư: hụi tháng, 10.000.000 đồng, mở vào ngày 27/6/2019, gồm có 21 phần, bà U tham gia 01 phần, hốt hụi lần 1 đưa cho anh T, chị B, có đóng được 11 lần hụi chết. Hiện còn thiếu bà U 03 phần hụi chết đã đến hạn là 30.000.000 đồng, 06 phần hụi chết chưa đến hạn là 60.000.000 đồng. Hụi mãn vào tháng 02/2021.

5/ Dây hụi thứ năm: hụi tháng, 10.000.000 đồng, mở vào ngày 06/7/2019, gồm có 18 phần, bà U tham gia 01 phần, hốt lần 1 đưa cho anh T, chị B. đóng được 08 lần hụi chết. Hiện tại còn thiếu bà U 06 phần hụi chết đã đến hạn là 60.000.000 đồng, 03 phần hụi chết chưa đến hạn là 30.000.000 đồng. Hụi mãn vào tháng 12/2020.

6/ Dây hụi thứ sáu: hụi tháng, 10.000.000 đồng, mở vào ngày 20/12/2019, gồm có 14 phần, bà U tham gia 01 phần, hốt hụi lần 1 đưa anh T, chị B. đóng được 03 lần hụi chết. Hiện tại còn thiếu bà U 05 phần hụi chết đã đến hạn là 50.000.000 đồng, 05 phần hụi chết chưa đến hạn là 50.000.000 đồng. Hụi mãn vào tháng 01/2021.

7/ Dây hụi thứ bảy: hụi tháng, 20.000.000 đồng, mở vào ngày 31/12/2019, gồm có 17, bà U tham gia 01 phần, hốt hụi lần 1 đưa cho anh T, chị B. đóng được 03 lần hụi chết. Hiện tại còn thiếu bà U 05 phần hụi chết đã đến hạn là 100.000.000 đồng, 08 phần hụi chết chưa đến hạn là 160.000.000 đồng. Hụi mãn vào tháng 04/2021.

8/ Dây hụi thứ tám: hụi tháng, 10.000.000 đồng, mở ngày 02/5/2020, gồm có 18 phần, bà U tham gia 01 phần, hốt hụi lần ? đưa cho anh T, chị B. Chưa đóng hụi chết lần nào. Hiện còn thiếu bà U 05 phần hụi chết đã đến hạn là 50.000.000 đồng, 13 phần hụi chết chưa đến hạn là 130.000.000 đồng. Hụi mãn vào tháng 10/2021.

Tổng số tiền anh T, chị B mượn hụi còn nợ bà U là 1.020.000.000 đ Trong đó số tiền hụi chết đã đến hạn là 480.000.000 đồng, bà U yêu cầu anh T, chị B trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật; tiền hụi chết chưa đến hạn là 540.000.000

đồng trả khi đến hạn, cụ thể: Tháng 9/2020 trả 50.000.000 đồng; tháng 10/2020 trả 80.000.000 đồng; tháng 11/2020 trả 60.000.000 đồng; tháng 12/2020 trả 70.000.000 đồng; tháng 01/2021 trả 50.000.000 đồng; tháng 02/2021 trả 50.000.000 đồng; tháng 3/2021 trả 30.000.000 đồng; tháng 4/2021 trả 40.000.000 đồng; tháng 5/2021 trả 10.000.000 đồng; tháng 6/2021 trả 20.000.000 đồng; tháng 7/2021 trả 10.000.000 đồng; tháng 8/2021 trả 20.000.000 đồng; tháng 9/2021 trả 10.000.000 đồng; tháng 10/2021 trả 20.000.000 đồng; tháng 12/2021 trả 10.000.000 đồng; tháng 02/2022 trả 10.000.000 đồng.

***Nợ vay:** Ngoài ra anh T, chị B còn vay của bà U 1.050.000.000 đ. Khi vay có làm biên nhận nợ và hứa khi nào bà cần tiền thì anh T, chị B sẽ trả lại. Cụ thể như sau:

- Ngày 13/9/2019 vay 500.000.000 đồng; Ngày 23/10/2019 vay 100.000.000 đồng; Ngày 15/12/2019 vay 100.000.000 đồng; Ngày 21/02/2020 vay 50.000.000 đồng; Ngày 22/3/2020 vay 50.000.000 đồng; Ngày 20/4/2020 vay 50.000.000 đồng; Ngày 07/5/2020 vay 200.000.000 đồng. Tổng cộng là 1.050.000.000 đồng. Nay bà U yêu cầu anh T, chị B cùng liên đới trả số tiền còn nợ ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn chị Trần Thị B trình bày:

***Phần nợ hui:** Vào năm 2018 chị có tham gia 02 dây hui do bà Nguyễn Thị U làm đầu thảo như sau:

1. Dây hui thứ nhất: hui tháng, 5.000.000 đồng, mở ngày 14/9/2018, gồm có 22 phần, chị tham gia 01 phần, hót hui lần thứ 1, còn thiếu lại bà U 21 lần hui chết là 105.000.000 đồng.

2. Dây hui thứ hai: hui tháng, 10.000.000 đồng, mở ngày 13/10/2018, gồm có 22 phần, chị tham gia 01 phần, chị hót hui lần thứ 1, còn thiếu lại bà U 21 lần hui chết là 210.000.000 đồng.

Tổng cộng là 315.000.000 đồng. Do chị không có tiền đóng hui chết nên sau đó hàng tháng bà U tự ý mở hui và đưa chị vào danh sách hui, rồi tự hót hui. 13 dây hui còn lại theo đơn kiện của bà U chị không có tham gia.

***Phần nợ mượn hui:** Tiền hui sống của 08 dây hui bà U kiện chị 1.020.000.000 đồng chị không có mượn.

***Phần nợ vay:** Số tiền 1.050.000.000 đồng chị không có mượn bà U. Chị chỉ có thiếu bà U số tiền hui chết là 315.000.000 đồng, bà U tính lãi ra thành 1.050.000.000 đồng.

Tóm lại, chị có thiếu bà U số tiền hui chết là 315.000.000 đồng, chị đồng ý trả số tiền trên cho bà U nhưng do hoàn cảnh khó khăn, xin mỗi tháng trả 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Chị thừa nhận có ký tên vào biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã S nhưng lúc đó chị không được biết nội dung đơn kiện, họ không cho chị hỏi rõ ràng. Ông Phạm Văn Học chồng bà U cùng 04 người lạ mặt có đến nhà chị cầm dao hăm dọa chị trả số tiền nợ bà U, sau đó bà U dẫn theo con đến nhà chị có nhiều lời lẽ hăm dọa và ép buộc chị viết vào giấy hui, giấy nợ do bà U chuẩn bị sẵn chị có nhờ nhiều người chứng kiến.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày:

Việc vợ anh là Trần Thị B chơi hụi của bà U anh không biết. Anh chỉ mới biết sự việc xảy ra khi ông Phạm Văn Học chồng bà U cùng 04 người lạ mặt đến nhà anh cầm dao hăm dọa trả số tiền nợ bà U, sau đó bà U dẫn theo con đến nhà anh có nhiều lời lẽ hăm dọa và ép buộc vợ anh viết vào giấy hụi do bà U chuẩn bị sẵn. Nay anh đồng ý cùng với vợ liên đới trả cho bà U số tiền hụi 315.000.000 đồng, xin mỗi tháng trả 10.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Anh thừa nhận có ký tên vào biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị X trình bày:

Bà là đầu thảo hụi, bà Nguyễn Thị U là hụi viên. Bà U có tham gia của bà 09 dây hụi, trong 08 dây hụi mượn bà U kiện bị đơn, bà U không có nói gì với bà về việc bà U cho bị đơn mượn hụi, bà thống nhất số phần hụi sống bà U kiện bị đơn. Trong vụ kiện này bà không có yêu cầu gì.

* Bản án dân sự sơ thẩm số: 110/2020/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2, khoản 4 Điều 91, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 3, Điều 463, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U.

Buộc chị Trần Thị B và anh Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị U số tiền hụi chết đã đến hạn 503.000.000 đồng, tiền mượn hụi đã đến hạn 480.000.000 đồng và tiền vay 1.050.000.000 đồng, tổng cộng là 2.033.000.000 đồng, trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc chị Trần Thị B và anh Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị U số tiền hụi chết chưa đến hạn 952.000.000 đồng và mượn hụi chưa đến hạn 540.000.000 đồng, tổng cộng là 1.492.000.000 đồng, trả trong hạn, như sau: Tháng 9/2020 trả 115.000.000 đồng; Tháng 10/2020 trả 173.000.000 đồng; Tháng 11/2020 trả 143.000.000 đồng; Tháng 12/2020 trả 143.000.000 đồng; Tháng 01/2021 trả 123.000.000 đồng; Tháng 02/2021 trả 120.000.000 đồng; Tháng 3/2021 trả 100.000.000 đồng; Tháng 4/2021 trả 105.000.000 đồng;

Tháng 5/2021 trả 75.000.000 đồng; Tháng 6/2021 trả 65.000.000 đồng; Tháng 7/2021 trả 55.000.000 đồng; Tháng 8/2021 trả 65.000.000 đồng; Tháng 9/2021 trả 45.000.000 đồng; Tháng 10/2021 trả 45.000.000 đồng; Tháng 11/2021 trả 25.000.000 đồng; Tháng 12/2021 trả 35.000.000 đồng; Tháng 01/2022 trả 20.000.000 đồng; Tháng 02/2022 trả 30.000.000 đồng; Tháng 3/2022 trả 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, bị đơn chị Trần Thị B và anh Nguyễn Thanh T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ghi nhận sự tự nguyện của chị B anh T trả cho bà U 315.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị U vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị B và anh Nguyễn Thanh T trả 3.525.000.000 đ tiền còn nợ.

- Người kháng cáo chị Trần Thị B và anh Nguyễn Thanh T tiếp tục giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 110/2020/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của TAND huyện C tỉnh Tiền Giang theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà U. Ghi nhận sự tự nguyện của chị B, anh T đồng ý trả cho bà U 315.000.000 đồng.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Luật sư bảo vệ quyền lợi cho chị B, anh T phát biểu: Danh sách hội do bà U cung cấp là không có thật vì có danh sách không có tên hội viên cụ thể mà chỉ có đánh số thứ tự; Việc hội viên tham gia đến 15 đây hội mà đều hốt hết vào lần đầu là không có tiền lệ vì thông thường chủ hội phải xem xét khả năng đóng hội của hội viên; Việc cho mượn hội bà X là chủ hội nhưng xác định không hề nghe bà U nói gì về việc hốt hội của bà cho chị B vay. Chị B, anh T bị ép ký giấy nhận nợ do phía gia đình bà U đe dọa được nhiều người chứng kiến. Việc chị B không phản đối sau khi ký tại buổi hòa giải ở xã là do chị B có học thức thấp không biết và cũng không có ai yêu cầu. Từ các phân tích trên đề nghị HĐXX sửa án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu của bà U, ghi nhận sự tự nguyện của chị B, anh T trả cho bà U 315.000.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc chấp hành pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Bộ luật Tố tụng dân sự qui định. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng đúng pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Các chứng cứ chứng minh số tiền nợ hội còn nhiều mâu thuẫn chưa được làm rõ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn. Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 110/2020/DS-ST ngày 15/9/2020 của TAND huyện C tỉnh Tiền Giang về phần giải quyết các món nợ liên quan đến hội. Giữ nguyên phần giải quyết nợ vay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị X vắng mặt Tuy nhiên nội dung vụ án cho thấy việc xét xử vụ án không liên quan vì đến quyền và nghĩa vụ của bà X. Bà tham gia vụ án chỉ để trình bày lời khai nhằm làm rõ việc tham gia chơi hội của bà U nên xác định bà chỉ là người làm chứng trong vụ án.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Nguyễn Thị U khởi kiện yêu cầu chị Trần Thị B và anh Nguyễn Thanh T trả tiền nợ hui và nợ vay nên án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “hợp đồng góp hui, và hợp đồng vay tài sản” là có căn cứ đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Án sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị U với bị đơn chị Trần Thị B và anh Nguyễn Thanh T là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 Bộ luật TTDS.

[4] Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của chị Trần Thị B và anh Nguyễn Thanh T đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét giải quyết. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn chị Trần Thị B và anh Nguyễn Thanh T HĐXX nhận thấy:

[4.1] Xác định các khoản nợ:

-Theo đơn yêu cầu hòa giải gửi UBND xã S đề ngày 18/5/2020, bà Nguyễn Thị U yêu cầu vợ chồng chị B, anh T trả 03 khoản nợ và có liệt kê chi tiết, cụ thể số tiền nợ của từng khoản nợ bao gồm: nợ hui, nợ tiền mượn hui, và nợ tiền vay (bút lục số 52).

-Tại phiên tòa phúc thẩm chị B thừa nhận trước khi tiến hành hòa giải cán bộ xã có thông qua đơn thưa của bà U cho mọi người nghe. Lời thừa nhận này phù hợp với lời khai các ông Nguyễn Minh H - cán bộ tư pháp (bút lục số 165), ông Nguyễn Văn U - chủ tịch xã (bút lục số 164), nên HĐXX xác định tại phiên hòa giải ở xã chị B đã biết được nội dung bà U kiện những khoản nợ nào và số tiền cụ thể của từng khoản nợ.

- Theo biên bản hòa giải ngày 01/6/2020 của UBND xã S, sau khi nghe thông qua đơn yêu cầu hòa giải của bà U, tại lời trình bày đầu tiên chị B khai nhận “ Tôi đồng ý thiếu hui của cô U như nêu trong đơn nhưng số tiền mượn tính lãi cao tôi xin bớt tiền lãi” (bút lục số 46-47). Tuy nhiên sau đó vợ chồng chị B, anh T không đồng ý số nợ cụ thể của từng khoản nợ.

Từ các chi tiết trên cho thấy, vợ chồng chị B, anh T đều biết rõ bà U kiện anh chị đòi tất cả 03 khoản nợ nhưng không hề có ý kiến phản đối khoản nợ nào (chỉ phản đối số nợ cụ thể của từng khoản nợ). Do đó cấp sơ thẩm xác định vợ chồng chị B, anh T còn nợ bà U tất cả 03 khoản nợ gồm: nợ hui, nợ tiền mượn hui, và nợ tiền vay là có căn cứ. Tuy nhiên số nợ của từng khoản nợ cần được xem xét xác định cho phù hợp.

[4.2] Xác định số tiền nợ của từng khoản nợ:

[4.2.1) Về khoản nợ hui:

-Theo biên bản hòa giải ngày 01/6/2020 của UBND xã S, tại lời trình bày đầu tiên đúng là chị B đã khai nhận “Tôi đồng ý thiếu hụt của cô Út như nêu trong đơn nhưng số tiền mượn tính lãi cao tôi xin bớt tiền lãi”. Còn ông T đã khai “Tôi xin giảm lãi tiền mượn và bớt tiền lãi tiền hụt”. Tuy nhiên tại lời khai sau đó ông T trình bày “Tôi thấy hụt không rõ ràng và tiền mượn lãi cao quá nên tôi đề nghị chuyển Tòa giải quyết”. Còn ý kiến của chủ tịch HĐHG “Tôi đề nghị bên nguyên đơn và bị đơn ngồi lại kiểm tra sổ sách hụt và sổ sách tiền mượn xem có trùng khớp không...”. Sau đó ý kiến bà U “nếu bên ông T bà B không công nhận số tiền hụt và tiền mượn tôi xin chuyển tòa...”. Như vậy biên bản hòa giải này còn có sự mâu thuẫn trước sau chưa thống nhất về số tiền còn nợ cụ thể của từng khoản nợ (thống nhất còn nợ 03 khoản nợ, nhưng chưa thống nhất số nợ của từng khoản nợ). Cho nên, để xác định chính xác số tiền nợ cụ thể của từng khoản nợ phải có thêm chứng cứ khác để chứng minh.

-Xét các giấy hụt do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình có sự mâu thuẫn cụ thể như:

+ Các giấy hụt nguyên đơn cung cấp có giấy hụt không có đầy đủ tên hụt viên mà chỉ ghi số thứ tự. Như vậy những dây hụt này là có thật hay không chưa được làm rõ.

+ Ngoài ra đa số các dây hụt này đều bị bể nên cần phải lấy lời khai các hụt viên để đối chiếu điều tra làm rõ dây hụt nào bị bể, thời gian bể hụt lúc nào? Thỏa thuận của các hụt viên khi hụt bể chỉ trả lại vốn đã góp hay có bao gồm trả cả lãi, có thể mới có thể xác định chính xác số nợ hụt mà vợ chồng anh T, chị B phải trả. Nếu các hụt viên thỏa thuận chỉ trả lại vốn đã góp mà buộc chị B, anh T trả luôn cả lãi (trả theo hụt chết) là thiệt thòi cho phía bị đơn.

Từ các căn cứ trên nhận thấy việc điều tra xác minh số nợ hụt cụ thể là bao nhiêu chưa được đầy đủ, HĐXX cần hủy án phần giải quyết số nợ hụt để điều tra xét xử lại theo quy định.

[4.2.2) Về khoản nợ mượn hụt:

-Theo bà U khai nhận, bà có tham gia 08 dây hụt do bà Nguyễn Thị X làm chủ hụt. Bà có thỏa thuận cho vợ chồng chị B, anh T mượn 08 phần hụt này. Vợ chồng chị B, anh T có thỏa thuận đưa tiền cho bà đóng hụt chết, nhưng chỉ đưa được một số lần thì ngưng, hiện còn nợ tiền hụt chết chưa đóng tổng cộng là 1.020.000.000 đ. Bà U có cung cấp các tờ danh sách hụt có nội dung thể hiện “vợ Bé Năm (chị B) hót hụt 2 Hoàng” trên đó có chữ viết của chị B ghi hót bao nhiêu phần. Tuy nhiên các tờ danh sách hụt này không đúng với nội dung trong đơn kiện nên cần xác minh đối chiếu làm rõ.

-Tại phiên hòa giải ở UBND xã S ngày 01/6/2020, vợ chồng chị B, anh T không phản đối còn nợ tiền mượn hụt của bà U mà chỉ xin bớt lãi. Chị B lại có bút ghi số phần hụt sống đã hót trên các tờ danh sách hụt do bà U cung cấp. Như

vậy xác định chị B, anh T có mượn hụi của bà U chơi của bà X. Tuy nhiên nội dung mượn như thế nào còn chưa làm rõ cụ thể:

+Nếu bà U hốt hụi bà X lấy tiền cho chị B vay thì xác định tranh chấp hợp đồng vay nên cần làm rõ lãi suất, số tiền hụi đã hốt từ bà X để cho vay là bao nhiêu? Đã đóng lãi bao nhiêu? còn nợ bao nhiêu?

+Nếu bà U đứng tên để tham gia chơi hụi dùm chị B thì xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng mượn chơi hụi dùm thì chị B phải có nghĩa vụ như hụi viên. Nghĩa là số tiền hốt được chị B sử dụng và chị B phải có nghĩa vụ đưa tiền đóng hụi chết cho bà U đóng hụi cho bà X.

Từ các căn cứ trên nhận thấy việc điều tra xác minh số nợ hụi cụ thể là bao nhiêu chưa được đầy đủ, HĐXX cần hủy án phần giải quyết số nợ hụi để điều tra xét xử lại theo quy định.

[4.2.3) Về khoản nợ tiền vay:

-Tại phiên hòa giải ở UBND xã S ngày 01/6/2020, vợ chồng chị B, anh T không phản đối còn nợ tiền vay của bà U, mà chỉ cho rằng trong khoản tiền vay này có bao gồm cả tiền lãi nên xin bớt. Xét ý kiến này HĐXX nhận thấy trong giấy biên nhận nợ chỉ thể hiện số tiền nợ mượn mà không hề có thể hiện số lãi. Vợ chồng chị B, anh T cũng không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh nên không có căn cứ để xem xét.

- Quá trình giải quyết vụ án chị B cho rằng ngày 23/4/2020 âm lịch nhằm 14/6/2020 dương lịch (tháng 4 sau vì năm này là năm nhuận có 02 tháng 4) chồng bà U dẫn theo 02 con đến nhà đe dọa ép bà ký giấy nhận nợ (bút lục số 78), nên bà không đồng ý với biên nhận nợ này. Xét ý kiến này HĐXX nhận thấy tại bản tự khai gửi tòa án vào ngày 16/6/2020; và đơn tố cáo gửi các cơ quan tố tụng huyện C ngày 17/6/2020 (đều diễn ra sau ngày 14/6/2020) bà Trần Thị B không hề có nêu sự việc bị phía bà U ép ký giấy nợ (nghĩa là không có sự việc ép ký giấy nợ hoặc có ép ký giấy nợ nhưng không hề phản đối các giấy nợ đã bị ép ký) dù sự việc xảy ra cách đó mới 02 đến 03 ngày. Các bản tự khai của anh T cũng không hề có nêu việc bà B bị ép ký giấy nợ (bút lục số 81, bút lục số 77). Mãi đến ngày 20/6/2020 (sau khi thuê luật sư) bà B mới có ý kiến lần đầu tiên cho rằng bị ép ký giấy nợ. Do lời khai của bà là mâu thuẫn, không có cơ sở để tin nên bác.

Từ các căn cứ trên cho thấy yêu cầu của bà U về phần nợ vay là có căn cứ. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà U là đúng pháp luật cần giữ nguyên.

Kháng cáo của chị Trần Thị B và anh Nguyễn Thanh T là có căn cứ một phần nên chỉ chấp nhận một phần.

[5] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ HĐXX chấp nhận.

[6] Về án phí: chị Trần Thị B và anh Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Phần tạm ứng án phí của bà U sẽ được xem xét khi xét xử lại phần bị hủy.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2, khoản 4 Điều 91, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 3, Điều 463, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị B, anh Nguyễn Thanh T.

- Hủy một phần Bản án DSST số 110/2020/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của TAND huyện C tỉnh Tiền Giang về phần quyết định giải quyết nợ liên quan đến 15 phần hối giữa chị Trần Thị B và anh Nguyễn Thanh T với bà Nguyễn Thị U. Và phần giải quyết nợ mượn 08 phần hối của bà U cho mượn. Chuyển hồ sơ vụ án cho TAND huyện C giải quyết lại phần này theo thủ tục sơ thẩm.

- Giữ nguyên một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 110/2020/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đối với phần nợ vay.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U.

Buộc chị Trần Thị B và anh Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị U số tiền vay 1.050.000.000 đồng, thời hạn trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà U có đơn yêu cầu Thi hành án, mà chị Trần Thị B và anh Nguyễn Thanh T chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả số tiền trên thì hàng tháng chị Trần Thị B và anh Nguyễn Thanh T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: chị Trần Thị B và anh Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí phúc thẩm. Nhưng phải chịu 43.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0005812 ngày

28/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, chị Trần Thị B và anh Nguyễn Thanh T còn phải nộp tiếp 43.200.000 đ án phí sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. HCM ;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THA DS huyện C;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Vân